

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/2020/QĐST-HNGĐ

Hồng Bàng, ngày 25 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà LTTT; địa chỉ: Số 307 A, phường B (cũ là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng;

Ông HXB; địa chỉ: Số 291-P9 Tầng 2 B, phường B (cũ là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà LTTT và ông HXB xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường B), quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2010 ngày 17-4-2010. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng tính cách, lối sống. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên bà LTTT và ông HXB đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là E, sinh ngày 24-4-2010. Hai bên thỏa thuận và thống nhất: Ông HXB là người trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông HXB và bà LTTT thống nhất: Bà LTTT có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 (ba triệu) Việt Nam đồng/ tháng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi

con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Số tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, ông HXB và bà LTTT tự giao nhận với nhau, bà LTTT có trách nhiệm giao bằng tiền mặt cho ông HXB trước ngày 20 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung:

Bà LTTT và ông HXB xác nhận vợ chồng chỉ có 01 tài sản chung là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 388F, tờ bản đồ số 10, diện tích 48,4m², tại địa chỉ: Số 93/2/246 F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 702545 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sở hữu tài sản là ông HXB và bà LTTT ngày 06/7/2018. Tài sản trên đất là ngôi nhà 04 tầng, tổng diện tích sàn là 165,79m² (theo giấy phép xây dựng số 136/GPXD ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân quận H). Ly hôn, ông HXB và bà LTTT thống nhất thỏa thuận: Ông HXB tặng phần tài sản của mình trong khối tài sản chung tại Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 388F, tờ bản đồ số 10, diện tích 48,4m², tại địa chỉ: Số 93/2/246 F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng và quyền sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà 04 tầng, tổng diện tích sàn là 165,79m² cho bà LTTT. Đối với phần tài sản chung này, ông HXB và bà LTTT cùng xác nhận không thực hiện việc cầm cố, thế chấp, việc tặng cho này hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người thứ ba hoặc những người có liên quan khác.

Ngoài ra, ông HXB và bà LTTT cùng xác nhận: Đối với tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 291-P9 tầng 2 phố B, phường B (cũ là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng, tổng diện tích sử dụng là 43.80m², diện tích xây dựng 41.20m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số E-2; BK: 314 Chợ Sắt theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 030109NONO, Hồ sơ gốc số 11481 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày ngày 16/5/2008 cho ông HXB là tài sản riêng của ông HXB có trước thời kỳ hôn nhân với bà LTTT.

Ông HXB và bà LTTT cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của ông bà trong Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17-7-2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận bà LTTT và ông HXB thuận tình ly hôn.

[5] Về lệ phí dân sự: Bà LTTT và ông HXB, mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân Bà LTTT và ông HXB thuận tình ly hôn

- Về con chung: Có 01 con chung là E, sinh ngày 24-4-2010. Ông HXB là người trực tiếp nuôi con, bà LTTT có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 (ba triệu) Việt Nam đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Số tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, ông HXB và bà LTTT tự giao nhận với nhau, bà LTTT có trách nhiệm giao bằng tiền mặt cho ông HXB trước ngày 20 hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung:

Bà LTTT và ông HXB xác nhận vợ chồng chỉ có 01 tài sản chung là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 388F, tờ bản đồ số 10, diện tích 48,4m², tại địa chỉ: Số 93/2/246 F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 702545 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sở hữu tài sản là ông HXB và bà LTTT ngày 06/7/2018. Tài sản trên đất là ngôi nhà 04 tầng, tổng diện tích sàn là 165,79m² (theo giấy phép xây dựng số 136/GPXD ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân quận H). Ly hôn, ông HXB và bà LTTT thống nhất thỏa thuận: Ông HXB tặng phần tài sản của mình trong khối tài sản chung tại Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 388F, tờ bản đồ số 10, diện tích 48,4m², tại địa chỉ: Số 93/2/246 F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng và quyền sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà 04 tầng, tổng diện tích sàn là 165,79m² cho bà LTTT. Đối với phần tài sản chung này, ông HXB và bà LTTT cùng xác nhận không thực hiện việc cầm cố, thế chấp, việc tặng cho này hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người thứ ba hoặc những người có liên quan khác.

Ngoài ra, ông HXB và bà LTTT cùng xác nhận: Đối với tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 291 P9 tầng 2 Phố B, phường B (cũ là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng, tổng diện tích sử dụng là 43.80m², diện tích xây dựng

41.20m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số E-2; BK: 314 Chợ Sắt theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 030109NONO, Hồ sơ gốc số 11481 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày ngày 16/5/2008 cho ông HXB là tài sản riêng của ông HXB có trước thời kỳ hôn nhân với bà LTTT.

Ông HXB và bà LTTT cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của ông bà trong Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về các vấn đề khác: Không có yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà LTTT và ông HXB, mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009813 ngày 13-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà LTTT và ông HXB đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Đương sự;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận D (GCN kết hôn số 10, quyền số 01/2010 ngày 17-4-2010);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Chung